

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *g15* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *14* tháng *4* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung Lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;



Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Đồng Nai tại Tờ trình số 28/TTr-SGTVT ngày 01 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính và quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung Lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai; trong đó:

1. Về thủ tục hành chính: Ban hành mới 09 thủ tục hành chính; sửa đổi 09 thủ tục hành chính (*Thủ tục số 40, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 - Mục I, Lĩnh vực đường bộ*) đã được công bố tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai (*danh mục, nội dung thủ tục hành chính đính kèm*).

2. Về quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính: Ban hành mới 09 quy trình; sửa đổi 09 quy trình (*Quy trình số 40, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49 - Lĩnh vực đường bộ, Phần I*) đã được ban hành tại Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai (*Quy trình điện tử đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Giao thông vận tải, Trung tâm hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải cập nhật nội dung thủ tục hành chính, quy trình điện tử thực hiện thủ tục hành chính đã được công bố trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh; thực hiện tích hợp, kết nối cung cấp dịch vụ công đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Trung tâm hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành theo Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*



**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	
			TTHC	QTĐT
1	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1	73
2	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	5	74
3	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	11	75
4	1.010710	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	14	76
5	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	16	77
6	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	19	78
7	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	22	79
8	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	25	80
9	1.002859	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	30	81

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Trang	
			TTHC	QTĐT
1	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	35	82
2	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	41	83
3	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	46	84
4	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	51	85
5	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	54	86
6	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	59	87
7	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	64	88
8	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	67	89
9	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	70	90

Phần II**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VÀ QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ****A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI**

1. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới gặp sự cố bất khả kháng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (*Sau đây gọi tắt là Trung tâm*): Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ; chuyển giao hồ sơ về Sở giao thông vận tải.

Bước 3: Sở giao thông vận tải tiếp nhận, giải quyết, nhập tình trạng giải quyết hồ sơ lên phần mềm quản lý, giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*).

Bước 4: Trung tâm có trách nhiệm giao trả kết quả trực tiếp cho khách hàng.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: 236 đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải
 To: Department of Transport of..... province

.....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):.....
2. Địa chỉ: (*Address*):.....
3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*).....
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải..... gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe (*Registration number*):.....
 - Giấy phép liên vận ASEAN số (*ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number*)được cấp bởi (*issued by*)..... vào ngày (*on the date of*) (*dd/mm/yyyy*)
 - Ngày hết hạn của giấy phép (*Expiry date of transport permit*): (*dd/mm/yyyy*).
5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):

 (*Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country)*)
6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian.....ngày, từ ngày đến ngày.....
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)
7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) *Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).*

b) *Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement).*

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy).....

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
(Driver, vehicle owner or authorized person).*

2. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc theo đường bưu chính hoặc trực tuyến theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân.

f) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) **Phí, lệ phí:** Không có.

i) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

j) **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

k) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM,
LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyển: km.
Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:.....

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tải (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a)T
Số bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b)T
Số bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe:đến Bến xe:.....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:
- Điểm dừng thứ hai:
- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng: (người).

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang băng tên.

.....

.....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

.....

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	Đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*) đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước, đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

3. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1:

- Khi có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam và nộp lại thông báo khai thác tuyến, ký hiệu phân biệt quốc gia, giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác cho Sở Giao thông vận tải.

- Tổ chức, cá nhân lập một bộ hồ sơ theo quy định nộp tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai;

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ.

Bước 3:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Sở Giao thông vận tải thông báo ngừng khai thác tuyến và thông báo công khai để các đơn vị kinh doanh vận tải khác đăng ký khai thác;

- Đơn vị kinh doanh vận tải chỉ được phép ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến sau khi đã niêm yết tại bến xe đầu tuyến phía Việt Nam tối thiểu 10 ngày.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc theo đường bưu chính hoặc trực tuyến theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Thông báo khai thác tuyến;

- Ký hiệu phân biệt quốc gia;

- Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác.;

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

*Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam, Lào và Campuchia*

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày.....tháng năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: số Fax:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số:.....Ngày cấp:
5. Kể từ ngày/...../.....,(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký đóng dấu)

4. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia

a) Trình tự thực hiện: Trước khi điều chỉnh tần suất chạy trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam.

Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải lập một bộ hồ sơ theo quy định nộp tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải Đồng Nai.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ.

Bước 3: Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải ra văn bản thông báo điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc theo đường bưu chính hoặc trực tuyến theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.

c.1. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

*Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe
tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia*

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày.....tháng năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TĂNG/GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số:.....
Ngày cấp:.....
5. Kể từ ngày/...../.....,..... (đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ tăng/giảm tần suất chạy xe trên tuyến.....
6. Danh sách/số chuyến xe tăng/giảm tần suất khai thác:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký đóng dấu)

5. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có phương tiện phi thương mại có nhu cầu cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia lập hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đồng Nai.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc theo đường bưu chính hoặc trực tuyến theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;

- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

*Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam
và Campuchia cho phương tiện phi thương mại*

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do
cấp số:..... ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

S TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>
1									
2									
3									

....., ngày tháng năm

Tổ chức / Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

6. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (bản chính).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

j) Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE
OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):.....
2. Địa chỉ: (*Address*):.....
3. Số điện thoại: (*Telephone number*)..... Số Fax: (*Fax number*).....
4. Địa chỉ Email (*Email address*):.....
5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (*Cambodia – Viet Nam Vehicle Cross-border Transport Permit number*):. được cấp bởi (*issued by*)
 vào ngày (*on the date of*)(dd/mm/yyyy)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (*Expiry date of transport permit*):..... (dd/mm/yyyy)
7. Lý do xin gia hạn (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (*Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country*):.....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian.....ngày, từ ngày đến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in
 day(s),
 from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy).....

Người xin gia hạn

(Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên

(Signature & full name)

7. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện đang lưu hành.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra nội dung hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam - Trung Quốc (chính).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE
OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ: (Address):
3. Số điện thoại: (Telephone number)..... Số Fax:
(Fax number):
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport Permit class):.....được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of) (dd/mm/yyyy)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):
..... (dd/mm/yyyy).
7. Lý do xin gia hạn (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country):.....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian.....ngày, từ ngày đến ngày
Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in: .. day(s), from (dd/mm/yyyy) until (dd/mm/yyyy)
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy).....

Người xin gia hạn

(Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên

(Signature & full name)

8. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải có nhu cầu cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào nộp hồ sơ theo quy định đến Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu.

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

h) Phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.
- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI
ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. Phương án kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
- 2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa
 - Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

9. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải có nhu cầu cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào nộp hồ sơ theo quy định đến Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, phải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu;

- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

h) Phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

- Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP VẬN TẢI
ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
 2. Địa chỉ:
 3. Số điện thoại:.....Số Fax/Email:
 4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:.....
- Ngày cấp:..... Cơ quan cấp:.....

5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị kinh doanh vận tải
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

**PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO**

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. Phương án kinh doanh vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a. Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyển khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.

- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.

- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI/BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ theo quy định Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc theo đường bưu chính hoặc trực tuyến theo hình thức phù hợp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu;

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) **Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) **Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, cá nhân.

f) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) **Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) **Phí, lệ phí:** Không có.

i) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

j) **Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

k) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VẬN TẢI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ
PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
Bến đi: Bến đến:
Cự ly vận chuyển: km.
Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biển kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

*Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định
giữa Việt Nam, Lào và Campuchia*

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH
GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tải (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tải) xuất bến như sau:

+ Tải (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tải (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tải) xuất bến như sau:

+ Tải (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tải (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lưu hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lướt về từ Bên xe đến Bên xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến..... phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng: (người).

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe:

-

-

6. Các dịch vụ khác

- a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:
- b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:đồng/hành khách.
- Giá vé chặng (nếu có):đồng/hành khách.

Giá vé	Đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*) đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước, đồng/hành khách

(*). Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:.....(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

2. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại, nộp hồ sơ theo quy định tại Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo quy định. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

* Đối với phương tiện thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

* Đối với phương tiện phi thương mại:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
- Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....ngày cấp.....Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

S tt	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hay khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số
ngày.....tháng..... năm.....

....., ngàythángnăm

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:..... Ngày cấp..... Cơ quan cấp:.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

STT	Biển số	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									

6. Mục đích chuyến đi:

- a) Công vụ: b) Cá nhân:
- c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: d) Mục đích khác:

.....
.....

....., ngàythángnăm

Tổ chức / Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

3. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhu cầu đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại, nộp hồ sơ theo quy định tại Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo quy định. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do;

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

* Đối với phương tiện thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).

* Đối với phương tiện phi thương mại:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

- Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM,
LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số ngày cấp Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

STT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hay khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số
..... ngày.....tháng năm.....

....., ngàythángnăm

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM,
LÀO VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: Ngày cấp: Cơ quan cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

S TT	Biển số	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

6. Mục đích chuyến đi:

- a) Công vụ: b) Cá nhân:
c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: d) Mục đích khác:

....., ngàythángnăm

Tổ chức / Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

4. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM

REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE
OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):.....
2. Địa chỉ: (*Address*):
3. Số điện thoại: (*Telephone number*).....
 Số Fax: (*Fax number*)
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia – Viet Nam Vehicle Cross-border Transport Permit No):
 được cấp bởi (issued by).....vào ngày (on the date of)
(dd/mm/yyyy)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):
6. Lý do xin gia hạn (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country):.....
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian.....ngày, từ ngày đến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in day(s), from (dd/mm/yyyy) until..... (dd/mm/yyyy)
8. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm
Place, (dd/mm/yyyy).....

Người xin gia hạn
(Applicant name)
Ký, ghi rõ họ và tên
(Signature & full name)

5. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhu cầu nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào tại Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào theo quy định. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

* Đối với phương tiện thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).

* Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;
- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);
- Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ
LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào do
..... cấp số ngày cấp
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

S TT	Biển số	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hay khách)	Cửa khẩu xuất – nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát.....
thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:

c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định
bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh: Lào) Cự ly vận chuyển:
..... km

Hành trình tuyển đường:

Đã được thông báo khai thác tuyển tại công văn số ngày

....., ngàythángnăm

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ
 LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN
 PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH
 DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Email:
4. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh / Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô sốngày cấp.....
 cơ quan cấp..... (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào).
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) docấp số:..... ngày cấp:.....
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Stt	Biển số	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hay khách)	Cửa khẩu xuất – nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

7. Mục đích chuyến đi:

- a) Công vụ: b) Cá nhân:
 c) Hoạt động kinh doanh: d) Mục đích khác:

....., ngàythángnăm

Tổ chức / Cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

6. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhu cầu nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào tại Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào theo quy định. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

* Đối với phương tiện thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;

- Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào).

* Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

- Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;
- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);
- Bản sao hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;
- Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ
LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào do
..... cấp số ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa
Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

S TT	Biển số	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu son	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hay khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát.....
thay thế phương tiện có biển kiểm soát.....

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định
bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Lào)

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số.....
ngày

....., ngàythángnăm

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ
 LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN
 PHỤC VỤ CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH
 DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Email:
4. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh / Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô sốngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đối với phương tiện phục vụ các công trình dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào).
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) docấp số:..... ngày cấp:.....
6. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

S TT	Biển số	Tọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hay khách)	Cửa khẩu xuất – nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

7. Mục đích chuyến đi:

- a) Công vụ: b) Cá nhân:
 c) Hoạt động kinh doanh: d) Mục đích khác:

....., ngàythángnăm

Tổ chức / Cá nhân
 (Ký tên, đóng dấu (nếu có))

7. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

- **Bước 2:** Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

- **Bước 3:** Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
 - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIẠN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**

**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION
PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):.....
2. Địa chỉ: (*Address*)
3. Số điện thoại: (*Telephone number*).....
Số Fax: (*Fax number*)
4. Địa chỉ Email (*Email address*):.....
5. Giấy phép vận tải loại (*Transport permit class*):
- được cấp bởi (*issued by*)..... vào ngày (*on the date of*)
.....(dd/mm/yyyy)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (*Expiry date of transport permit*): ..
..... (dd/mm/yyyy)
7. Lý do xin gia hạn (mô tả lý do không thể về nước theo quy định)
(*Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its
Home Country*):.....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời
gian.....ngày, từ ngày đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in.....
day(s), from (dd/mm/yyyy)..... until (dd/mm/yyyy)
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội
dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và
các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and
accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam
and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)

8. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại, nộp hồ sơ theo quy định tại Sở Giao thông vận tải.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép. Trường hợp không cấp, thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo hình thức phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Đồng Nai (*địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tùy theo hình thức phù hợp quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện;;

- Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ;

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;
- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

h) Phí, Lệ phí: Không có.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam
và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do
cấp số: ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

S TT	Biển số	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngàythángnăm

Tổ chức / Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

9. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.

Bước 2: Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra thành phần hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 3: Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu.
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).

c.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Giao thông vận tải.
 - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không có.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

g) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.

h) Phí, lệ phí: Không có.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không có.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH
CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM****REQUEST FOR EXTENSION OF
VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):
 2. Địa chỉ: (*Address*):
 3. Số điện thoại: (*Telephone number*).....
Số Fax: (*Fax number*):
 4. Địa chỉ Email (Email address):
 5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia – Viet Nam Vehicle Cross-border Transport Permit number):được cấp bởi (issued by) vào ngày (on the date of)..... (dd/mm/yyyy)
 6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy)
 7. Lý do xin gia hạn (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country):.....
 8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian.....ngày, từ ngày đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in..... day(s), from (dd/mm/yyyy) until.....(dd/mm/yyyy)
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place, (dd/mm/yyyy).....

Người xin gia hạn
(Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên
(Signature & full name)

C. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

1. Thủ tục Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Nhận và chuyển kết quả	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

2. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Nhận và chuyển kết quả	Bộ phận nhận và trả kết quả của Sở	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

3. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

4. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

5. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

6. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

7. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

8. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

9. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

2. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

3. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

4. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

5. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

6. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

7. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

8. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày

9. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia

- **Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đúng quy định.

- **Lưu đồ giải quyết:**

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (02 ngày)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày
Nhận hồ sơ từ Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Vận tải Phương tiện	0,5 ngày
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở GTVT	0,5 ngày
Chuyển về Trung tâm Hành chính công tỉnh	Nhân viên tiếp nhận hồ sơ	0,25 ngày
Nhận và trả kết quả cho Tổ chức, cá nhân	Trung tâm Hành chính công tỉnh	0,25 ngày